TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **885**/2017/QĐHNGĐ-ST	*Quận 6, ngày **29** tháng **12** năm **2017***

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 649/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ông Ung M , sinh năm; 1968;

Cư trú: Số 299/23A Lê Quang S, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí M .

- ***Bị đơn***: Bà Mai Thị L , sinh năm: 1970;

Cư trú: Số 299/23A Lê Quang S, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí M .

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 150, 212, 213, 483 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành kèm theo danh mục về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Ung M và bà Mai Thị L .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ung M và bà Mai Thị L được ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 48 quyển số 01/99 ngày 19/4/1999 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí M cấp không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Ông M và bà L có hai con chung tên Ung Mai Mỹ Ng, sinh ngày 06/4/1998 và Ung Mai Mỹ Ch, sinh ngày 06/4/1998, cả hai con đã

trưởng thành muốn ở với cha hay mẹ tùy ý. Do các con đã trưởng thành nhưng chưa lao động được nên các bên thỏa thuận ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng), kể từ ngày 01/01/2018 cho đến ngày 01/01/2020.

- Tài sản chung và nợ chung: Nợ chung các bên tự khai không có. Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ông M tự nguyện chịu 150.000đồng; ngòai ra ông M còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000đồng; tổng cộng án phí ông M phải chịu là 450.000đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0028152 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí M , ông M còn phải nộp thêm 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoãn tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về hướng dẫn thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 và Điều 26 Luật thi ành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sư.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận F;
- THADS Quận F;
- Các đương sự;
- UBND P.6, Quận F, TP.HCM;
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Văn Hùng